

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA HÀ NỘI

LÊ THỊ THU HIỀN

**CƠ SỞ HÌNH THÀNH VÀ GIÁ TRỊ VĂN HÓA
CỦA MÚA RỐI NUỐC VIỆT NAM**

Chuyên ngành: Văn hóa học
Mã số: 62310640

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIÉN SĨ VĂN HÓA HỌC

HÀ NỘI -2014

Công trình được hoàn thành tại:

**Trường Đại học Văn hóa Hà Nội
Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

Người hướng dẫn khoa học:

- 1. PGS.TS. Trần Trí Trắc**
- 2. PGS.TS. Đoàn Thị Tình**

Phản biện 1: GS.TS. Nguyễn Xuân Kính

Viện Nghiên cứu Văn hóa -
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Phản biện 2: PGS.TS. Trần Đức Ngôn

Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam

Phản biện 3: PGS.TS. Phạm Trọng Toàn

Trường Đại học Sư phạm nghệ thuật Trung ương

Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp Trường họp tại:

Trường Đại học Văn hóa Hà Nội
Số 418 Đường La Thành, quận Đống Đa, Hà Nội.

Vào hồi.....giờngàytháng năm 2014

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam.
- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của Đề tài

Châu thổ sông Hồng là một vùng đất rộng lớn nằm quanh khu vực hạ lưu sông Hồng, được bao quanh bởi sông và biển, có đất đai trù phú. Với đặc điểm tự nhiên giàu tài nguyên “nước”, nghề nông là nghề chính và quan hệ sản xuất gắn kết các thành viên trong cộng đồng sinh sống theo các làng, hình thành nền văn hoá làng, rất đa dạng về lễ hội truyền thống - là cơ sở để cha ông ta sáng tạo nên các loại hình nghệ thuật dân gian, mà độc đáo nhất là Múa rối nước, một di sản văn hoá phi vật thể đặc sắc, hiện nay chỉ còn có ở Việt Nam.

Từ “trò chơi” mang yếu tố diễn xướng dân gian, Múa rối nước đã trở thành bộ môn nghệ thuật truyền thống mang đậm sắc thái, tâm hồn người Việt, mang giá trị phản ánh sinh động, chân thực về đời sống văn hoá của nông dân, nông thôn vùng châu thổ sông Hồng, thể hiện mối quan hệ tương tác giữa con người Việt với thiên nhiên.

Qua nhiều thế kỷ hình thành và phát triển, Múa rối nước truyền thống trải qua những thăng trầm, lúc phát triển rực rỡ, khi lại trầm lắng, rơi vào nguy cơ mai một (đã có nhiều trò diễn, ngón nghề Múa rối nước vì nhiều nguyên nhân đến nay không còn nữa).

Cho đến nay, chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu chuyên sâu về văn hoá trong Múa rối nước với những tiền đề văn hóa trong nguồn gốc, sự hình thành, đúc rút các giá trị văn hóa của thể loại nghệ thuật này, để từ đó có những định hướng trong quản lý và bảo tồn, phát triển nghệ thuật, gắn kết nó với công tác giáo dục thẩm mỹ và truyền thông trong học đường, giới thiệu về văn hóa Việt Nam với bạn bè thế giới và phát triển du lịch. Do vậy, đề tài **Cơ sở hình thành và giá trị văn hóa của Múa rối nước Việt Nam** sẽ giải quyết các vấn đề đặt ra.

2. Mục đích nghiên cứu

Luận án nhằm làm rõ cơ sở hình thành và giá trị văn hóa của Múa rối nước Việt Nam, từ đó định hướng, đề xuất một số giải pháp bảo tồn,

phát huy Múa rói nước trong văn hóa.

3. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Hệ thống hoá một cách chọn lọc và phát triển ở mức độ nhất định những khái niệm về Múa rói, Múa rói nước và những vấn đề lý luận về giá trị văn hóa để làm cơ sở cho việc tiếp cận đối tượng nghiên cứu.

- Tổng quan được tình hình nghiên cứu về Múa rói nước; khái quát được Múa rói nước trong tiến trình lịch sử văn hóa Việt Nam; phân tích cơ sở hình thành và đúc rút những giá trị văn hóa của Múa rói nước.

- Đánh giá, nêu được thành tựu, hạn chế, nguyên nhân và đề xuất những giải pháp bảo tồn, phát huy Múa rói nước giai đoạn hiện nay.

4. Đối tượng nghiên cứu

Múa rói nước và các thành tố hình thành nghệ thuật, môi trường sinh thái tự nhiên – xã hội vùng châu thổ sông Hồng.

5. Phạm vi nghiên cứu

- *Về nội dung:* Nghiên cứu ảnh hưởng của môi trường tự nhiên, xã hội của vùng châu thổ sông Hồng đến sự ra đời và tồn tại, phát triển của Múa rói nước. Tìm hiểu đặc trưng nghệ thuật, phương thức tổ chức hoạt động biểu diễn Rối nước để thấy được cơ sở hình thành của nghệ thuật, rút ra những giá trị văn hóa của thể loại nghệ thuật này. Nghiên cứu Múa rói nước đặt trong mối quan hệ với một số thể loại Kịch, Múa, Xiếc...(du nhập vào Việt Nam) và với thể loại có nguồn gốc từ Việt Nam như Chèo, ở hai mặt nội dung và hình thức, để thao tác nghiên cứu, so sánh, đối chiếu, phân tích một cách khái quát, tìm ra những nét riêng của Múa rói nước dưới góc nhìn văn hóa học.

- *Về không gian:* Tập trung khảo sát Múa rói nước khu vực châu thổ sông Hồng, đi sâu nghiên cứu trường hợp 05 phường rói nước truyền thống và 02 đơn vị nghệ thuật múa rói nước chuyên nghiệp.

- *Về thời gian:* Nghiên cứu Múa rói nước trong sự phát triển văn hóa của thời kỳ phong kiến Đại Việt để khái quát về nguồn gốc, sự hình thành, phát triển của Múa rói nước Việt Nam trong tiến trình lịch sử. Về

cơ sở hình thành và giá trị văn hóa của Múa rối nước, nghiên cứu tập trung vào Múa rối nước ở thời kỳ từ cuối thế kỷ XVI cho đến nay.

6. Phương pháp nghiên cứu

Luận án quán triệt chủ trương, các quan điểm của Đảng CSVN; các văn bản của Nhà nước về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam, về kế thừa di sản văn hóa.

Múa rối nước không chỉ là một loại hình văn học nghệ thuật, mà còn là một hiện tượng văn hóa, nên từ phương pháp luận của lí thuyết tiếp cận địa - văn hóa, vùng văn hóa, luận án sử dụng phương pháp nghiên cứu liên ngành: Văn hóa học, Nghệ thuật học, Sử học.

Chú trọng việc thu thập tư liệu trong quá trình khảo sát điền dã tại thực địa, phương pháp nghiên cứu chọn mẫu; Phương pháp khảo tả, phương pháp phân tích - tổng hợp được dùng để nhận thức và phân tích đối tượng nghiên cứu.

7. Đóng góp của luận án

7.1. Về mặt lý luận

Lý giải sự hình thành, tồn tại, phát triển của Múa rối nước trong tiến trình lịch sử xuất phát từ cơ sở văn hóa Việt Nam; Phân tích, hệ thống những giá trị văn hóa của Múa rối nước Việt Nam, thông qua đó góp phần vào việc cung cấp thêm tư liệu tham khảo cho người nghiên cứu tiếp theo về Múa rối nước.

7.2. Về mặt thực tiễn

Thông qua thực trạng mà luận án đã đánh giá, những quan điểm, định hướng, giải pháp, khuyến nghị bảo tồn và phát triển Múa rối nước, giúp cho các nghệ sĩ, nhà quản lý, các đơn vị nghệ thuật có được những suy nghĩ, lựa chọn đúng đắn về đường lối phát triển của nghệ thuật, cho công việc sáng tạo, đổi mới, bảo tồn và phát triển Múa rối nước phù hợp với điều kiện thực tiễn của đất nước.

8. Bố cục của Luận án

Ngoài phần Mở đầu (7 trang), Kết luận (6 trang), Tài liệu tham

khảo (10 trang) và Phụ lục (25 trang), nội dung chính của luận án gồm 4 chương: **Chương 1.** Tổng quan về Múa rối nước Việt Nam.

Chương 2. Cơ sở hình thành Múa rối nước Việt Nam.

Chương 3. Giá trị văn hóa của Múa rối nước Việt Nam.

Chương 4. Bảo tồn và phát huy Múa rối nước Việt Nam.

Chương 1

TỔNG QUAN VỀ MÚA RỐI NƯỚC VIỆT NAM

1.1. Một số khái niệm liên quan

1.1.1. Giá trị văn hóa

Giá trị văn hóa là những tư tưởng bao quát được tin tưởng mạnh mẽ chung cho mọi người về cái gì là đúng là sai, là thiện là ác, là đẹp là xấu, là hợp lý là phi lý, là mong muốn và không mong muốn.

Nói đến những giá trị văn hóa của Múa rối nước là nói tới hệ giá trị văn hóa truyền thống của Múa rối nước của Việt Nam.

1.1.2. Múa rối

Cho đến nay, ở Việt Nam, chưa có một khái niệm chính thức mang tính học thuật về khái niệm *Múa rối*. Căn cứ vào một số đặc điểm về quân rối, về kỹ thuật tạo hình, lắp ráp quân rối, sân khấu và nghệ thuật biểu diễn Múa rối, các nhà nghiên cứu Tô Sanh, Nguyễn Huy Hồng đã đưa ra khái niệm về *Múa rối*.

1.1.3. Múa rối nước

Về khái niệm *Múa rối nước*, có hai khái niệm tiêu biểu trong lĩnh vực nghệ thuật Múa rối, của nhà nghiên cứu Tô Sanh, Nguyễn Huy Hồng. Các khái niệm nêu ra đều khẳng định *Múa rối*, *Múa rối nước* là một thể loại sân khấu truyền thống, làm trò và đóng kịch.

1.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.2.1. Những nghiên cứu chung về Múa rối

Dưới góc độ nghệ thuật học, lịch sử học, đã có một số công trình nghiên cứu của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước: *Múa rối* (1964) của A.Phêđôtôp do Tô Kỳ Hoàng dịch; *Vì một nền nghệ thuật*

Múa rối Việt Nam Xã hội chủ nghĩa là tổng hợp nghiên cứu của nhiều tác giả do Ban nghiên cứu sân khấu (1974); *Nghệ thuật Múa rối Việt Nam* (1974) của Nhà nghiên cứu Nguyễn Huy Hồng; *Nghệ thuật Múa rối và vấn đề giáo dục thẩm mỹ cho trẻ em*, của Hoàng Kim Dung (1992); *Múa rối Việt Nam những điều nên biết* (1997) của Hoàng Kim Dung; *Lịch sử nghệ thuật Múa rối Việt Nam* (2005) của Nguyễn Huy Hồng; *Nghệ thuật Rối và một số đặc trưng của sân khấu Rối Việt Nam* (2006) của tác giả Nguyễn Thành Nhân; *Sơ thảo lịch sử sân khấu Việt Nam* (2006) do Nhà xuất bản Sân khấu xuất bản; *Diễn xướng dân gian và nghệ thuật sân khấu truyền thống Việt Nam* (2007), của Nguyễn Huy Hồng; *Nghệ thuật Múa rối cổ truyền đất Thăng Long* (2009) của Văn học... Bên cạnh các chuyên khảo còn có tập hợp các bài nghiên cứu của rất nhiều tác giả trong nước như Hoàng Kim Dung, Ngô Quỳnh Giao, Vương Duy Biên, Đỗ Trọng Quang, Phạm Đức Dương...

1.2.2. Những nghiên cứu chuyên biệt về Múa rối nước

1.2.2.1. Tình hình nghiên cứu trong nước

- Tìm hiểu về Múa rối nước Việt Nam, gồm các chuyên khảo như *Nghệ thuật Múa rối nước* (1976) của Tô Sanh, *Nghệ thuật Múa rối nước* *Thái Bình* (1987) và *Rối nước Việt Nam* (1996) của Nguyễn Huy Hồng, *Rối nước* (2009) của Hữu Ngọc và Lady Borton, *Nghệ thuật Múa rối nước Việt Nam* (2012), của Hoàng Chương... Bên cạnh các chuyên khảo còn có nhiều bài viết được công bố trên các tạp chí chuyên ngành, của nhiều tác giả: Phạm Đức Dương, Trần Quốc Vượng, Trần Văn Khê, Nguyễn Huy Hồng, Hoàng Kim Dung, Nguyễn Dương Côn, Yên Giang, Ngô Quỳnh, Vũ Tú Quỳnh, Nguyễn Hoàng Minh Vân, Lê Hương Giang... theo hướng tiếp cận từ văn hóa dân gian, văn hóa tâm linh đến nghệ thuật học, sân khấu học... Nghiên cứu chuyên sâu về Múa rối nước còn thể hiện ở tập hợp những công trình nghiên cứu dưới dạng luận văn Thạc sĩ văn hóa học, nghệ thuật học, du lịch, đó là: Phạm Trọng Toàn (1997), *Tìm hiểu nghệ thuật Múa rối nước cổ truyền làng Nguyễn*;

Nguyễn Văn Định (2007), *Nghệ thuật Múa rối nước làng Đống*; Lê Hương Giang (2008), *Nghệ thuật Múa rối nước ở Hà Nội*; Nguyễn Hoàng Minh Vân (2011), *Hoạt động của các phuờng rối nước ở châu thổ sông Hồng - Thực trạng và giải pháp*; Trần Thị Minh (2012), *Khai thác các giá trị văn hóa của nghệ thuật Múa rối nước ở vùng đồng bằng Bắc bộ Việt Nam phục vụ phát triển du lịch*; Lê Quỳnh Trang (2013), *Phát huy vai trò nghệ thuật Múa trong Múa rối nước của Việt Nam*, luận văn Thạc sĩ Nghệ thuật học..., và luận án Tiến sĩ văn hóa học: Vũ Tú Quỳnh (2012), *Sự phục hồi của Rối nước đồng bằng Bắc bộ từ đồi mới đến nay*.

1.2.2.2. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

Luận án hệ thống 5 bài viết của các tác giả người nước ngoài, nghiên cứu về Múa rối nước dưới góc nhìn văn hóa học.

Cho đến hiện nay, chưa có một chuyên khảo khoa học nào nghiên cứu những tiền đề văn hóa trong sự hình thành, phát triển của Múa rối nước và đúc rút giá trị văn hóa của thể loại nghệ thuật này.

1.3. Khái quát về Múa rối nước trong tiến trình lịch sử văn hóa Việt Nam

Hiện nay, ai cũng biết Múa rối nước là một trong nhiều thể loại rối, mang bản sắc đặc đáo của Việt Nam; ra đời từ làng quê vùng châu thổ sông Hồng và tồn tại trong dân ít nhất từ hơn mươi thế kỷ nay.

Căn cứ nội dung bia bia Sùng Thiện Diên Linh, nghiên cứu sinh đồng tình với luận điểm của nhà nghiên cứu Tô Sanh với tài liệu công bố năm 1976, nghĩa là: Múa rối nước Việt Nam đã ra đời từ lâu và đến thời Lý (thế kỷ XI) được phát triển mạnh.

Thời Lý, bia Sùng Thiện Diên Linh dựng năm 1121 có ghi trò Rối cho Vua xem cho thấy nghệ thuật Múa rối nước Việt Nam đã rất phát triển và đạt đến trình độ nghệ thuật cao.

Sang thời Trần (đầu thế kỷ XIII), dù triều đình vẫn tiếp tục hấp thụ hai luồng văn hóa dân gian Đại Việt và văn hóa nước ngoài (Chiêm

Thành, Trung Hoa), Múa rối nước vẫn tiếp tục duy trì và phát triển mạnh mẽ, không những phát triển sâu rộng trong dân gian, lễ hội, phục vụ chốn cung đình mà còn được sử dụng trong các hoạt động giao lưu quốc tế, để chiêu đãi sứ giả nước ngoài.

Trong hai thế kỷ XV và XVI, thời nhà Lê, do nhà Lê chuộng văn học, vì vậy, tuy không được sử dụng trong cung đình, Múa rối nước vẫn khẳng định vai trò và vị thế trong hội hè, đình đám chốn làng quê. Văn học thời Lê đã tác động và ảnh hưởng tới lời giáo trò rối nước. Múa rối nước tiếp thu các nghệ thuật Chèo, Tuồng để làm phong phú vốn diễn.

Bối cảnh đất nước thời Lê mạt tới thời Tây Sơn, với nhiều biến thiên lịch sử, Múa rối nước vẫn thịnh hành trong các hội hè đình đám ở nông thôn, ảnh hưởng sâu sắc với nho sĩ đương thời, dùng Múa rối nước làm hình tượng văn học, như một thứ vũ khí chống lại triều đình.

Thời Nguyễn lại chú trọng phát triển Tuồng thành nghệ thuật cung đình, vì vậy, Múa rối nước tiếp tục ẩn mình nơi làng quê, tồn tại dưới dạng tự phát, tự giác. Với trật tự tổ chức đã được định hình chắc chắn theo các phường, hội; đề cao tính chất “bí truyền” để giữ ngón nghề; các phường, hội tiếp tục đẩy mạnh giao lưu, so tài, nhiều trò rối độc đáo, với kỹ thuật tinh tế... đã được giữ gìn, trao truyền cho đến ngày nay.

Thực dân Pháp xâm lược nước ta vào nửa cuối thế kỷ XIX, cho đến đầu thế kỷ XX, triều đình Nguyễn thành bù nhìn, buôn dân bán nước. Múa rối nước rơi vào thời kỳ trầm lắng, xem thường, coi là “trò vui, câu khách”. Tuy nhiên, Múa rối nước vẫn tồn tại, duy trì trong lòng xã hội Việt Nam, trong tư tưởng của nho sĩ yêu nước đương thời...

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, giải phóng dân tộc ta khỏi tay bọn pháo xít Nhật, ta lại tiếp tục kháng chiến chống Pháp lần thứ hai. Kẻ thù tàn phá di sản văn hóa dân tộc, bắt giết nghệ nhân, phá hủy hiện vật đã khiến cho Múa rối nước truyền thống thời kỳ 1946 – 1954 thực sự rơi vào giai đoạn đình đốn trước nguy cơ mai một. Đến năm 1954, miền Bắc hoàn toàn giải phóng, Rối nước mới tiếp tục thực

sự có một bước ngoặt mới, để phát triển rực rỡ như hôm nay.

Tháng 3/1956, nghệ thuật sân khấu Rối chuyên nghiệp Việt Nam chính thức ra đời, khẳng định là một thể loại nghệ thuật sân khấu truyền thống. Đặc biệt, từ tính chất "bí truyền" trở thành phổ cập rộng rãi. Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ (1965 – 1975), dù rất khó khăn, Múa rối vẫn không ngừng phát triển. Năm 1984, rối nước Việt Nam vượt ra khỏi lãnh thổ Việt Nam, đến với bạn bè thế giới và ngày càng được biết đến rộng rãi cho đến hôm nay. Từ năm 1986 đến nay, kể khi nước ta bắt đầu công cuộc đổi mới, Múa rối nước tiếp tục khẳng định những giá trị về truyền thống và bản sắc văn hóa Việt Nam với thế giới.

Tiểu kết

Quá trình vận động của Múa rối nước truyền thống Việt Nam là quá trình phát triển từ trò chơi dân gian thành hình thái diễn xướng dân gian - nghệ thuật nguyên hợp bao hàm cả nghệ thuật tạo hình, nghệ thuật âm thanh, nghệ thuật biểu diễn, phong tục tập quán, cả bí quyết các nghề thủ công truyền thống, gắn với tín ngưỡng dân gian, hội hè nông nghiệp, tính chất mùa vụ, trong phạm vi nhỏ hẹp, gia đình để trở thành thể loại nghệ thuật sân khấu truyền thống có tính tổng hợp cao, lan rộng và lưu truyền cho đến ngày nay.

Dù thời kỳ nào, dù quá trình phát triển văn hóa cùng với thăng trầm của lịch sử dân tộc, với sự tác động của chế độ chính trị ở mỗi thời kỳ là khác nhau, thì Múa rối nước vẫn chưa bao giờ có ý thức tiếp biến trong tiến trình lịch sử văn hóa Việt Nam. Chính vì vậy, Múa rối nước - một thể loại nghệ thuật dân gian Việt Nam vẫn liên tục tồn tại trong “cơ cấu văn hóa làng”, và chưa bao giờ bị gián đoạn, biến đổi.

Chương 2

CƠ SỞ HÌNH THÀNH MÚA RỐI NƯỚC VIỆT NAM

2.1. Cơ sở tự nhiên

2.1.1. Nước với người Việt ở châu thổ sông Hồng

Do điều kiện tự nhiên của khu vực và đặc điểm của môi trường

sinh thái chi phối, ứng xử với nước của người Việt ở châu thổ sông Hồng, thấy có bốn phương thức, đó là: Tận dụng nước, đối phó với nước, sùng bái và lưu luyến với nước. Trong tâm thức người Việt, nước mang trong mình sức mạnh siêu linh, thành một thế lực phải tôn thờ.

Tập quán sinh sống tụ cư quanh làng với những sinh hoạt của đời sống nông nghiệp xung quanh ao làng chính là nguồn cảm hứng sáng tạo chủ đạo của cư dân vùng châu thổ sông Hồng với Múa rrito nước.

Như vậy, thấy rõ mối quan hệ giữa nước với đời sống, sản xuất của người nông dân, với hoạt động sáng tạo của con người trong quá trình chinh phục thiên nhiên. Không có nước không có phương thức ứng xử của con người đối với nước (văn hóa nước), không có nền sản xuất nông nghiệp và văn minh nông nghiệp lúa nước thì không có Múa rrito nước. Để nói, cơ sở hình thành Múa rrito nước là nước và ứng xử của con người với nước (văn hóa nước) của vùng châu thổ sông Hồng.

2.1.2. Đất với nền nông nghiệp lúa nước của người Việt ở châu thổ sông Hồng

Châu thổ sông Hồng do sông Hồng và sông Thái Bình bồi đắp nên, trong đó sông Hồng giữ vai trò chính. Cấu tạo nền tảng châu thổ không bằng phẳng, bề mặt châu thổ bị chia cắt thành nhiều ô, từng vùng thoải dàn và trũng dàn về phía biển Đông. Với đặc điểm khí hậu đặc trưng của vùng nhiệt đới gió mùa ẩm, nắng lấm, mưa nhiều theo mùa tạo ra một nguồn nhiệt ẩm rất phong phú.

Đặc điểm đất tự nhiên với khí hậu quyết định phương thức sản xuất nông nghiệp trồng lúa nước của cư dân người Việt ở châu thổ sông Hồng. Trồng lúa nước chính là tiền đề hình thành tập quán cư của người Việt theo từng cộng đồng, làng, xã. Đất tự nhiên và cư dân châu thổ sông Hồng tác động lẫn nhau, tạo thành mối quan hệ qua lại hài hòa, thích ứng, điều chỉnh, trong sản xuất cây lúa đã tạo nên *phương thức ứng xử* của người Việt với đất: Quý đất, nhờ đất, thờ đất... Do đó, phương thức ứng xử với đất chính là cơ sở văn hóa của tư duy, tình

cảm, khát vọng của Múa rối nước. Không có cơ sở văn hóa đó thì không thể có nghệ thuật Múa rối nước.

2.2.Cơ sở xã hội

2.2.1. Văn hóa làng chau thổ sông Hồng

Để đối phó, chinh phục môi trường sinh thái tự nhiên, đáp ứng đòi hỏi của đời sống nông nghiệp thuần nông trồng lúa nước, cư dân người Việt đã phải quan tụ lại thành *làng*, với lệ tộc, lệ làng, tạo ra các mối quan hệ nội tại để thắt chặt con người với làng.

Văn hóa làng chau thổ sông Hồng là tổng thể văn hóa của cộng đồng mang tính truyền thống và bền vững, tồn tại trong đời sống cư dân người Việt. Sinh hoạt văn hóa dân gian, thông qua “thời điểm mạnh” của *lễ hội*, sức mạnh, tài năng sáng tạo, khát vọng của mỗi cá thể và cộng đồng được bộc lộ cao nhất và là cơ sở, tiền đề cho sự ra đời của các loại hình văn hóa nghệ thuật dân gian, trong đó có Múa rối nước. Cùng với sự tồn tại của *lễ hội* truyền thống, Múa rối nước có sức sống bền vững trong đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân, được nuôi dưỡng bằng cả tâm hồn và cốt cách Việt Nam. Như vậy, *văn hóa làng* và Múa rối nước có mối quan hệ thống nhất biện chứng không thể tách rời, văn hóa làng đã sinh ra Múa rối nước và Múa rối nước là sản phẩm của *văn hóa làng* vùng chau thổ sông Hồng.*Văn hóa làng* là cơ sở hình thành Múa rối nước Việt Nam.

2.2.4. Con người - Nam giới ở chau thổ sông Hồng

Múa rối nước ra đời gắn liền với nghệ thuật tạo hình, điêu khắc, tạc tượng từ đôi bàn tay thủ công, bằng tư duy và khối óc sáng tạo của người nam giới được rèn luyện qua năm tháng với nghề nông nghiệp và thủ công trong không gian văn hóa làng chau thổ sông Hồng. Các mảng chạm khắc, trang trí trên *dịnh làng* với tạo hình quân rối nước đều được thể hiện trên nguyên tắc hội họa đồng nhất, qua cảm xúc thẩm mỹ của người *nam giới*, bởi vậy, nó vừa phóng khoáng, mạnh mẽ, mộc mạc mà vô cùng sinh động, tinh tế.

Yếu tố làm nên đặc trưng của nghệ thuật Múa rối nước Việt Nam là hành động của quân rối. Vấn đề quan trọng nhất ở nghệ thuật tạo hình quân rối, nghệ thuật biểu diễn của quân rối lại chính nhờ hành động của người *nam giới*.

Tính *nam giới* trong nghệ thuật Múa rối nước được thể hiện rất rõ nét, ở đặc điểm “giữ bí mật” nghề nghiệp và tính chất bí truyền là một trong những đặc điểm nổi bật ở nghệ thuật Múa rối nước.

Vai trò của người nam giới trong Múa rối nước Việt Nam không phải chỉ vì họ có quyền - “nam quyền”, mà vì họ đã mang tính nam, tính đàn ông, và Múa rối nước Việt Nam không thể thiếu cái thẩm mỹ ấy. Do đó, nhân vật trung tâm điều khiển, chỉ huy chương trình Múa rối nước, đại diện cho nghệ sĩ Rối nước chính là: Chú Tễu chứ không phải cô Tễu, chị Tễu, em Tễu. Vì vậy, cơ sở con người - nam giới vùng châu thổ sông Hồng chính là cơ sở hình thành Múa rối nước Việt Nam.

Tiêu kết

Đặc điểm môi trường sinh thái tự nhiên của vùng đất này, khi cây lúa nước được lựa chọn là cây lương thực chính, nền kinh tế được lựa chọn là nền sản xuất nông nghiệp trồng lúa nước, đã dẫn tới việc đề cao vai trò của nước, đất trong đời sống vật chất cũng như tinh thần của người Việt ở châu thổ sông Hồng. Nhận thức ấy dẫn đến thế ứng xử bằng thái độ thiêng hóa sức mạnh của nước và đất, thành những thế lực được tôn thờ.

Nước, đất và cây lúa nước quyết định phương thức kinh tế nông nghiệp thuần nông, chính là tiền đề để người Việt sống tập trung thành cộng đồng, làng, xã. Múa rối nước là sinh hoạt văn hóa cộng đồng làng xã, một sáng tạo độc đáo của những người nông dân *nam giới* “chân lấm tay bùn”. Mang trong mình tinh hoa của con người - *nam giới* vùng châu thổ sông Hồng, giá trị cộng cảm, cộng mệnh của văn hóa lễ hội cộng đồng làng xã - nơi nuôi dưỡng, gìn giữ và phát triển Múa rối nước, làm cho nó trở nên độc đáo hơn các loại hình nghệ thuật khác. Thông qua đó,

chúng ta thấy, cơ sở hình thành Múa rói nước Việt Nam, từ cơ sở tự nhiên, xã hội của vùng châu thổ sông Hồng, là: Nước, đất, làng, con người - nam giới - chính là văn hóa của Thiên - Địa - Nhân trong nền văn hóa dân tộc Việt Nam. Không có những cơ sở đó thì không có Múa rói nước Việt Nam.

Chương 3

GIÁ TRỊ VĂN HÓA CỦA MÚA RÓI NƯỚC VIỆT NAM

3.1. Giá trị nhận thức

Múa rói nước là những bức tranh phản ánh chân thực về cuộc sống của những người nông dân trong sinh hoạt đồi thường, từ đó, chúng ta nhận thức được mối quan hệ giữa con người với con người, giữa con người với thế giới thiên nhiên, hiểu được lao động, sinh hoạt, khát vọng và ước mơ về cuộc sống ấm no, hạnh phúc của người nông dân vùng châu thổ sông Hồng trong tiến trình phát triển của lịch sử.

Múa rói nước vùng châu thổ sông Hồng mang giá trị cộng cảm, công mệnh của văn hóa cộng đồng, được cộng đồng nuôi dưỡng, gìn giữ và phát triển. Múa rói nước trong lễ hội cũng hướng tới mục đích phản ánh nội dung, ý nghĩa, giúp nhận thức rõ giá trị văn hóa ẩn sâu trong đời sống tâm linh của mỗi cư dân nông nghiệp lúa nước.

Mặc dù quân rói nước là sáng tạo của người thợ thủ công làm chùa, tạc tượng... Tuy nhiên, các trò diễn của Rối nước không bị ảnh hưởng trực tiếp từ tôn giáo, tư tưởng chính trị. Hiện thực cuộc sống ở Múa rói nước được nghệ nhân phản ánh không bằng tư duy hiện thực mà bằng tư duy lãng mạn – dân gian. Ta thấy một thế giới mà ở đó, người nông dân là một tạo hóa tạo ra một thế giới của riêng mình, làm cho quân rói - bất động vật trở thành một sinh thể, sống trong một thế giới hòa bình, tự do, tự sáng tạo và không bị lệ thuộc, không có quyền lực của Vua chúa, không có giáo huấn của đạo, mà Tễu là nhân vật điển hình.

3.2. Giá trị giáo dục

Múa rói nước giáo dục cho con người về lòng yêu lao động, yêu

thiên nhiên, yêu quê hương, yêu đất nước và tinh thần tự hào dân tộc, có kết cộng đồng trong sự nghiệp “chống thiên tai địch họa, chống ngoại xâm” để hướng tới cái đẹp “tình làng nghĩa xóm” trong văn hóa làng vùng chau thổ sông Hồng.

Giống với Chèo, Múa rối nước cũng là sự thể hiện một phần của văn hóa đạo đức Việt Nam. Tuy nhiên, những nguyên tắc - tám gương đạo đức mà Chèo thể hiện chịu ảnh hưởng khá nhiều của Nho giáo, coi những “tam cương”, “ngũ thường” như nguyên lý bất khả xâm phạm, bắt con người phải từ bỏ những ham muốn riêng tư. Ngược lại, tính khuyến giáo đạo đức trong Múa rối nước tồn tại ở dạng giản dị, hồn nhiên, rõ ràng và nhân văn, gieo vào lòng người tình yêu thương con người, đồng loại, khơi gợi những ước mơ, khát vọng cao cả, nâng tâm hồn, giá trị tinh thần của con người, đưa con người vươn tới quyền dân chủ, làm chủ cuộc sống, làm chủ thiên nhiên.

Có lẽ, chính những thông điệp mang *giá trị đạo đức* hết sức nhân văn làm cho nghệ thuật Múa rối nước trở nên mang tính nhân loại. *Giá trị đạo đức* trong Múa rối nước chính là giá trị lý tưởng mà cả nhân loại chúng ta ngày nay theo đuổi, xây dựng.

3.3. Giá trị giải trí

Rối nước Việt Nam thuở ban đầu ra đời thuần túy chỉ vì mục đích giải trí, bằng những nội dung mang nặng tình yêu thiết tha với cuộc sống, và thầm đắm tinh thần lạc quan của người nông dân vùng Chau thổ sông Hồng, đã góp phần đáng kể vào đời sống văn hóa tinh thần vui tươi lành mạnh ở khắp mọi nơi.

Giá trị giải trí của Múa rối nước Việt Nam còn thể hiện ở sự sáng tạo thăng hoa của các nghệ nhân thủ công trong làng đã sáng tạo ra những trò diễn mới, độc đáo cho chính cộng đồng mình.

Giá trị giải trí của nghệ thuật Múa rối nước không chỉ dừng lại ở việc thỏa mãn những thích thú cá nhân thuần túy, mà thông qua giải trí, con người được khơi dậy, kích thích phát triển những khả năng sáng tạo

tiềm ẩn bên trong, tạo điều kiện cho sự phát triển toàn diện của con người ngay trong quá trình giải trí.

3.4. Giá trị thẩm mỹ

Khác với các loại hình nghệ thuật khác, sức hấp dẫn, lôi cuốn người xem thường thông qua kịch bản, ngôn ngữ văn học, và thể hiện bằng nghệ thuật diễn xuất của người diễn viên. Còn ở Múa rối nước, sức hấp dẫn chính ở hành động của con rối.

Múa rối nước Việt Nam là một văn phạm thị giác được viết ra bởi những nhận thức tinh nhạy của con người, làm nên đặc trưng của Múa rối nước khác với các nghệ thuật khác. Rối nước có thể đến với những cộng đồng người ở khắp nơi trên thế giới, thuộc những nền văn hóa khác nhau, những ngôn ngữ khác nhau.

Nghệ thuật của Múa rối nước thể hiện từ *tính kỳ, nghịch thường* và *cười - vui*. Đây chính là biểu hiện cao nhất ở cái đẹp của nghệ thuật Múa rối nước, thể hiện ở độ khó, độ phức tạp, độ thể hiện tính kỳ - cười vui trong trò diễn, kỹ thuật điều khiển quân rối.

Giá trị thẩm mỹ của Múa rối nước thể hiện rất rõ ở những dấu ấn địa phương, từ quân rối, kỹ thuật máy, kỹ thuật điều khiển, hay cùng một trò diễn giống nhau, nhưng mỗi phường, mỗi địa phương thể hiện có khác nhau... làm nên các tiểu vùng khác nhau trong văn hóa Châu thổ sông Hồng.

Múa rối nước vùng Châu thổ sông Hồng mang tính nguyên hợp cao, vì nó kế thừa được giá trị văn hóa, văn minh lúa nước của người Việt vùng châu thổ sông Hồng. Hành động đầy thuyền, kéo thuyền của người Việt xưa trong các cuộc đua thuyền tại lễ hội chặng khác nào hành động đầy sào, kéo dây trong Múa rối nước. Giá trị này làm nên *giá trị thẩm mỹ* của Múa rối nước, của nghệ thuật dân gian Việt Nam.

Chú Tễu, thủy đình, góp phần làm nên nét độc đáo trong *giá trị thẩm mỹ* của Múa rối nước, tạo thành những biểu tượng đẹp của Múa rối nước Việt Nam.

Tiểu kết

Múa rối nước là nghệ thuật diễn xướng dân gian độc đáo gắn với nền văn minh lúa nước của cư dân vùng châu thổ sông Hồng, nó chứa đựng và kết tinh cao nhất những giá trị văn hóa và nghệ thuật của nền văn minh lúa nước.

Múa rối nước là sản phẩm sáng tạo của tập thể, vì vậy nó là sự hoà đồng của từng cá nhân trong cộng đồng thành tập thể sáng tạo và thường thức, tạo nên thành tố của nghệ thuật Múa rối nước.

Hiện thực trong Múa rối nước là hiện thực về cái đẹp lý tưởng chủ quan của nhân dân lao động hướng tới cuộc sống âm no, hạnh phúc, thanh bình, dân chủ trong tình người yên vui.

Xem múa rối nước, chúng ta được sống trong thế giới thật sự vui vẻ, thư giãn, bởi những tính kỳ - cười vui, bất ngờ, không bị gò ép, khiên cuồng theo những phép tắc, giáo huấn của tôn giáo nào. Chính vì thế, nó mang thông điệp về *giá trị giáo dục* con người, về tính nhân văn sâu sắc. Vì thế, Múa rối nước đã mang tính nhân loại, làm cho Múa rối nước Việt Nam vượt ra ngoài lãnh thổ, để đến với bạn bè thế giới.

Cùng với những yếu tố đặc biệt *vui - cười, kỳ lạ, nghịch thường* trong trò diễn, những *giá trị thẩm mỹ* về kiến trúc, tạo hình, hội họa, âm nhạc...được vận dụng khéo léo, cùng tài nghệ của nghệ nhân sử dụng mặt nước làm sân khấu để quân rối diễn trò. Buồng trò rối nước hay thủy đình được xây dựng cố định làm cho rối nước thêm phần hoàn thiện. Những *giá trị văn hóa* của Múa rối nước thật phong phú, đa dạng và vô giá. Nhờ đó mà Múa rối nước đã trường tồn cùng văn hóa Việt Nam.

Chương 4

BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY MÚA RỐI NƯỚC VIỆT NAM

4.1. Thực trạng Múa rối nước Việt Nam hiện nay

4.1.1. Những kết quả đạt được

4.1.1.1. Về hệ thống tổ chức và cơ chế hoạt động

Phong trào hoạt động múa rối nước được duy trì, phát triển rộng cả

ở hình thức phường rối nước dân gian và nhà hát múa rối nước chuyên nghiệp, khẳng định cơ chế tổ chức và hoạt động bền vững. Múa rối nước lan rộng đến nhiều tỉnh thành trên cả nước, hoạt động đều đặn, ổn định hơn, đi lưu diễn, phục vụ nhiều đối tượng khán giả trong và ngoài nước.

4.1.1.2. Về nghệ thuật

Vẫn đề gìn giữ các giá trị truyền thống của Múa rối nước dân gian luôn được các đơn vị chú trọng. Đồng thời, Phát triển trò mới, dựa trên tinh hoa rối cổ, và sáng tạo trò mang tính hiện đại, với đề tài hiện đại.

Các đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp đã có xu hướng tìm tòi, làm mới bằng cách thử nghiệm, kết hợp với các nghệ thuật khác, thành kịch bản có cốt truyện, nhân vật có tính cách, mang chủ đề tư tưởng rõ ràng...

Các nghệ nhân đã sáng tạo, tạo hình quân rối bằng những chất liệu khác: Xôp, dẻo, nhựa... và chất liệu gỗ mới thay cho gỗ sung (gỗ sưa).

4.1.2. Những hạn chế

4.1.2.1. Về tổ chức và cơ chế hoạt động

Phong trào rối nước hoạt động mạnh mẽ ở phạm vi các đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp, còn các phường rối nước không chuyên, phần lớn vẫn phục vụ hội hè, nghiệp dư, manh mún, thiếu định hướng đầu tư để phát triển. Nhiều trò rối cổ bị thất truyền.

4.1.2.2. Về tổ chức biểu diễn

Các nhà hát múa rối nước chuyên nghiệp hiện nay, hoạt động sôi nổi, lịch diễn dày đặc. Ngược lại, các phường rối nước, vẫn chưa có lịch diễn đều đặn, nên doanh thu không nhiều, khó duy trì hoạt động theo mô hình tự quản, tự tồn tại, tự phát triển.

4.1.2.3. Về nghệ thuật

Từ năm 1984 đến nay, biểu diễn Rối nước phần lớn chỉ khai thác ở 17 tích trò cổ. Về tạo hình chế tác quân rối, đều do Trung tâm tạo hình con rối của Nhà hát Múa rối Việt Nam sản xuất và cung cấp. Vì vậy, 17 tích trò cũng như quân rối, không có sự khác biệt. Nội dung và kỹ thuật trình diễn của rối phường, về cơ bản giống với rối chuyên nghiệp, tính

dân gian của rói nước át hẳn đã mai một.

Xu hướng cách tân, đổi mới khi chưa đầu tư nghiên cứu kỹ lưỡng, đã làm cho Rối nước mất đặc trưng của nghệ thuật. So với truyền thống, không phát triển, có nguy cơ “biến dạng” nghệ thuật.

4.1.2.4. Vấn đề khán giả thường thức nghệ thuật

Khán giả đến với Múa rối nước phần lớn là khách du lịch, là người nước ngoài, chiếm đến 80% thị phần khán giả xem biểu diễn.

Nhu cầu khán giả đến với rói nước chỉ thỏa mãn tò mò, khám phá cái mới. Nhiều nơi, ở Việt Nam, thiếu nhi còn chưa biết đến Múa rối nước, cả ở thành phố, chưa kể đến vùng sâu, vùng xa...

4.1.3. Những nguyên nhân

4.1.3.1. Nguyên nhân của những kết quả đạt được

Sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với bộ môn nghệ thuật sân khấu truyền thống của dân tộc. Giao lưu, hội nhập quốc tế hiện nay ngày càng sâu rộng và toàn diện, vì vậy, Múa rối nước là sản phẩm của nền nông nghiệp lúa nước, là nét văn hóa đặc đáo của Việt Nam. Sự phát triển của du lịch đã tạo cơ hội cho Múa rối nước phát triển.

Ý thức của nghệ nhân, các đơn vị nghệ thuật yêu nghề, trách nhiệm với việc bảo tồn di sản ngàn đời mà cha ông để lại.

4.1.3.2. Nguyên nhân của những hạn chế

Sự chuyển đổi sang cơ chế thị trường theo định hướng Xã hội chủ nghĩa, bối cảnh toàn cầu hóa đã tác động lớn đến lĩnh vực tư tưởng, văn hóa. Người ta cũng không mấy quan tâm đến Múa rối nước.

Múa rối nước xuất phát từ trò chơi của cộng đồng, từ tính chất phi lợi nhuận nay đã trở thành sản phẩm văn hóa, giá trị giải trí được thay thế bằng giá trị kinh tế, vì mục tiêu lợi nhuận.

Mỗi quan hệ giữa khán giả, nghệ sĩ, nghệ nhân, nhà quản lý đều tách khỏi rói nước, chưa gắn với cơ và giá trị văn hóa của Múa rối nước và chưa phù hợp với cơ chế thị trường hiện nay.

4.2. Quan điểm, định hướng bảo tồn và phát huy Múa rối nước

4.2.1. Lựa chọn quan điểm

Quan điểm bảo tồn - phát triển phù hợp với điều kiện thực tế giai đoạn hiện nay, tạo khả năng cho Múa rối nước phát triển.

4.2.2. Định hướng

Bảo tồn và phát huy Rối nước thích hợp nhất là tồn tại trong cộng đồng, tại các làng quê, nông thôn, đặt trong bối cảnh hiện nay khi cấu trúc văn hóa làng truyền thống chau thô sông Hồng đã có những chuyển đổi.

Nhận thức đầy đủ những giá trị văn hóa của Múa rối nước trong quá trình tiếp nhận, chọn lọc yếu tố ngoại sinh để sáng tạo giá trị mới, tránh nguy cơ lai căng, đánh mất bản sắc vốn có của nghệ thuật.

4.3. Giải pháp bảo tồn và phát huy Múa rối nước Việt Nam

4.3.1. Về nhận thức

4.3.1.1. Nhận thức về đổi mới trong mối quan hệ giữa văn hóa và phát triển: Bảo tồn, phát triển Múa rối nước Việt Nam phải được đặt trong động lực phát triển kinh tế - xã hội.

4.3.1.2. Nhận thức về văn hóa nghệ thuật trong định hướng của Đảng: Đổi mới là quy luật khách quan.

4.3.1.3. Nhận thức về văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội: Bảo tồn, phát triển Múa rối nước phải luôn luôn gắn liền với những giá trị văn hóa của chính Múa rối nước Việt Nam.

4.3.1.4. Nhận thức về văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc: Bảo tồn và phát huy văn hóa Múa rối nước phải theo quy luật: Vận động và phát triển, chú ý đến kế thừa, tạo thành “truyền thống”.

4.3.1.5. Nhận thức về kế thừa và phát triển

Mọi sự sáng tạo của nghệ sĩ không thể tách rời những giá trị văn hóa, giá trị thẩm mỹ cội nguồn của Múa rối nước truyền thống.

4.3.2. Về tổ chức

Hoạt động Múa rối nước được chia theo ba mô hình hoạt động:

4.3.2.1. Nhà hát bảo tàng

Là nơi giữ gìn, bảo tồn, trung bày nghệ thuật Múa rối nước, nguyên bản bằng nghệ sĩ biểu diễn trước khán giả, phục hồi các trò cổ. Thể hiện nguyên vẹn giá trị vốn có của Múa rối nước truyền thống.

4.3.2.2. Nhà hát cách tân

Mô hình này, Múa rối nước sáng tạo các tiết mục mới mang tính thời sự, thời đại, phù hợp với nhu cầu thẩm mỹ của khán giả đương thời.

4.3.2.3. Nhà hát thử nghiệm

Nhà hát thử nghiệm - là nơi để các nghệ sĩ tiến hành những tác phẩm - công trình làm thử.

Ba mô hình nhà hát có đội ngũ nghệ sĩ khác nhau, có chương trình và khán giả riêng biệt, có thể là tổ chức độc lập, hoặc cũng có thể được tồn tại trong một tổ chức mới: *Liên đoàn Múa rối nước Việt Nam*.

4.3.3. Về đào tạo

4.3.3.1. Đào tạo nhà quản lý

Yêu cầu đào tạo nhà quản lý Múa rối nước phải có bản lĩnh văn hóa, am hiểu sâu sắc về văn hóa.

4.3.3.2. Đào tạo nghệ sĩ

Gắn bó chặt chẽ công tác đào tạo nhân lực một cách có hệ thống, theo mô hình đào tạo bài bản từ trường đại học, kết hợp chặt chẽ với phuong thức truyền nghề từ các nghệ nhân phuờng và các nghệ sĩ của các nhà hát chuyên nghiệp.

4.3.3.3. Đào tạo khán giả

- Tăng lượng khán giả đến với Múa rối nước thông qua tăng cường các cuộc giao lưu, các câu lạc bộ...

- Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về Múa rối nước, về tích trò, giao lưu với nghệ nhân... Tăng cường các chương trình biểu diễn dành cho các cơ quan, trường học, lưu diễn ở các vùng sâu, vùng xa và nông thôn, tạo hiệu quả giáo dục nghệ thuật.

4.3.4. Về quảng bá, tuyên truyền Múa rối nước

Xây dựng chiến lược hợp tác quốc tế, kế hoạch cụ thể từng năm

với các nước khu vực và trên thế giới, để tiếp nhận, chủ động giới thiệu, quảng bá Múa rối nước vừa tiếp thu tinh hoa văn hóa nghệ thuật của thế giới, gắn với phát triển du lịch; Tăng cường giao lưu, hội nhập văn hóa thông qua tổ chức biểu diễn Múa rối nước ở nước ngoài.

4.3.5. *Những khuyến nghị*

4.3.5.1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu, lựa chọn đơn vị, phối hợp lập hồ sơ khoa học đệ trình UNESCO công nhận Múa rối nước là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

4.3.5.2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu, xây dựng mô hình tổ chức hoạt động của Múa rối nước Việt Nam thành *Liên đoàn Múa rối nước Việt Nam*.

4.3.5.3. Bộ Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu, đưa kiến thức, nội dung nghệ thuật Múa rối nước vào chương trình giáo dục học đường.

4.3.5.4. Các cơ quan báo chí, đài phát thanh, truyền hình có kế hoạch lâu dài, đầu tư xây dựng chương trình giáo dục, quảng bá, giới thiệu sâu rộng về nghệ thuật Múa rối nước.

Tiểu kết

Những biến đổi toàn diện về kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước ta thời gian qua đã tác động sâu sắc đến sự tồn tại và phát triển của Múa rối nước. Nghệ thuật truyền thống đang đứng trước nguy cơ thất truyền vốn cỗ, biến dạng, mai một bản sắc - vì chạy theo lợi nhuận. Cơ chế thị trường đang làm cho Rối nước rơi vào tình trạng tách biệt với không gian văn hóa làng và những nhà quản lý chưa có những chính sách, chiến lược để định hướng, điều hành hoạt động nghệ thuật để nó tồn tại và phát triển đúng hướng. Vì vậy, lựa chọn quan điểm, những giải pháp để bảo tồn - phát triển loại hình Múa rối nước Việt Nam là cần thiết, trên cơ sở khoa học, phù hợp với điều kiện thực tế của khu vực châu thổ sông Hồng và đất nước giai đoạn hiện nay, tạo khả năng cho Múa rối nước hòa cùng nhịp sống dân tộc và thời đại.

KẾT LUẬN

1. Múa rối nước là một thể loại của loại hình sân khấu Việt Nam. Được sinh ra từ nền văn hóa nông nghiệp lúa nước của nông dân vùng châu thổ sông Hồng, nó mang đậm tính văn hóa phương Đông và Đông Nam Á. Tiến trình phát triển của Múa rối nước là một quá trình liên tục, chưa bao giờ đứt đoạn. Đó là thể loại sân khấu vận động theo hình thức dân gian với đầy đủ đặc trưng của văn hóa dân gian trong mùa vụ, hội hè, đình đám ở nông thôn châu thổ sông Hồng, được phát triển đưa vào phục vụ triều đình, hoàn thiện thành thể loại nghệ thuật sân khấu chuyên nghiệp năm 1956 và ổn định đến ngày nay.

2. Hình ảnh của thủy đình cho phép chúng ta có thể khảng định, văn hóa dân gian đã sinh ra Múa rối nước, và văn hóa bác học đã góp phần hoàn thiện thêm Múa rối nước dân gian Việt Nam. Hai biểu tượng: Tếu và thủy đình, đã thể hiện sinh động về sự gắn bó hữu cơ giữa văn hóa dân gian với văn hóa bác học, tạo nên giá trị văn hóa của Múa rối nước Việt Nam.

3. Từ một trò chơi dân gian của cộng đồng, Múa rối nước đã trở thành một thể loại trong nghệ thuật sân khấu truyền thống Việt Nam, chứa đựng trong mình những giá trị văn hóa Việt Nam. Có thể khái quát các yếu tố tự nhiên – xã hội vùng châu thổ sông Hồng: Từ địa bàn sinh sống – cộng đồng làng xã; con người Việt - nông dân - nam giới; canh tác của người Việt - nông nghiệp trồng lúa nước; tâm linh người Việt - lễ hội; tạo hình quân rối - văn hóa làng; trò rối - tâm linh - nông nghiệp - sinh hoạt; tổ chức quản lý hoạt động Múa rối nước - tiểu nông - bí truyền. Những yếu tố này tạo nên mối quan hệ gắn bó, hữu cơ, tác động qua lại với nhau, tạo nên các thành tố văn hóa hoàn chỉnh: *Nước, đất, làng, nam giới, với diễn xướng dân gian và tính nguyên hợp* đã tạo ra Múa rối nước Việt Nam.

Thực hiện chức năng với đời sống xã hội, những giá trị văn hóa về lý tưởng nhận thức, giáo dục, giải trí, thẩm mỹ của Múa rối nước biểu hiện mạnh mẽ, đậm nét sự gắn kết cộng đồng, hướng hoạt động của con người

vào những mục đích tốt đẹp, nhân văn của cuộc sống. Vì, văn hóa là nền tảng, môi trường sản sinh ra Rối nước, giá trị văn hóa nuôi dưỡng Rối nước có sức sống lâu bền trong lòng dân tộc. Mỗi quan hệ giữa *cơ sở tự nhiên – xã hội, giá trị văn hóa* trong Múa rối nước gắn bó biện chứng với nhau, làm cho Múa rối nước ngày càng phát triển đến hoàn thiện.

4. Múa rối nước ra đời từ bàn tay người thợ - nông dân nam giới, làm chùa, tạc tượng, tồn tại trong tư duy, tình cảm, khát vọng của nhân dân và được phát triển trong hiện thực xã hội đặc biệt của ý thức, tư tưởng, đạo đức hệ ý thức phong kiến diễn hình ở thời kỳ Lý - Trần, với "tam giáo đồng nguyên", nhưng nội dung Múa rối nước không thể hiện bất kỳ sự ánh hưởng nào từ ý thức tôn giáo - chính trị. Mà, tất cả, chỉ có sự sống thanh bình, tự do, bình đẳng, hồn nhiên... Ở đó, chỉ có nghệ sĩ - Đáng tối cao, say mê sáng tạo để đưa những "vật chết, vô tri vô giác" thành những sinh thể sống động, tươi vui. Tất cả những sinh thể đó đều mang khát vọng mưa thuận, gió hòa, mùa màng tốt tươi, người người no ấm...của người nông dân Đại Việt và làm cho "*Cõi Múa rối nước*" thành "hòn quê" mang đậm dấu ấn của văn hóa làng Việt Nam với chủ nghĩa nhân đạo, dân chủ sâu sắc. Vì vậy, Bác Hồ đã mong muốn *cõi Múa rối nước* thuộc về thế giới thiêng thiêng, thế giới của tuổi thơ thâm đắm nhân văn, nhân ái, nhân tình và dân chủ.

5. Bắt nguồn từ giá trị văn hóa độc đáo đó, mà ở Múa rối nước Việt Nam, đã không diễn tích mà chỉ diễn trò, đã không có cốt truyện như Chèo, Tuồng, Cải Lương với kỹ thuật "thắt nút, cởi nút"; không có hình thức tự sự theo nhân vật chính qua các biến cố cuộc đời và cũng không hướng tới những chủ đề mang mục đích khuyến giáo đạo đức, chính trị, tôn giáo nào...Tất cả chỉ là những *trò nhại*, những trò của con rối hoạt động bắt chước những sinh hoạt thường ngày của người nông dân Đại Việt, được sáng tạo theo xu hướng đơn giản, hồn nhiên mang *tinh kỵ*, gây nên tiếng *cười vui* cho khán giả. Giá trị văn hóa và thẩm mỹ này, đã

làm cho Múa rối nước Việt Nam mang *tính Xiếc*, mang *tính nhân loại* và làm cho Múa rối nước Việt Nam đến với bạn bè thế giới.

6. Hiện thực cuộc sống, tư duy sáng tạo nghệ sĩ, khuynh hướng thẩm mĩ khán giả của Múa rối nước thời Đại Việt đã không còn phù hợp với hiện thực cuộc sống, tư duy sáng tạo nghệ sĩ, khuynh hướng thẩm mĩ khán giả của thời đại hôm nay: Cơ chế thị trường theo định hướng Xã hội chủ nghĩa, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Vì vậy, Múa rối nước phải bổ sung những thước đo mới, tiêu chí mới để phù hợp với quy luật kế thừa và biến đổi của mình.

Thực tế hoạt động của Múa rối nước thời gian qua cho thấy, con đường kế thừa và biến đổi để phát triển của Múa rối nước hôm nay vẫn còn lúng túng, chưa tìm thấy hướng đi. Nhưng, đổi mới thế nào, những quy luật mang tính khách quan của Múa rối nước: *Diễn hình phi diễn ngôn*, *trò nhại - tính kỳ - cười vui*, *bất ngờ - ngẫu hứng...* không thể biến đổi trong cách tân, làm mới Múa rối nước. Nói cách khác, sự sáng tạo của nghệ sĩ không thể tách rời những *giá trị văn hóa*, *giá trị thẩm mỹ* cội nguồn của Múa rối nước truyền thống Việt Nam.

7. Múa rối nước truyền thống được khẳng định qua thời gian là cái “tĩnh”, còn thực tiễn luôn động, và biến hóa. Làm thế nào để tìm cách đi đúng hướng cho Múa rối nước Việt Nam hôm nay và mai sau, để vừa bảo tồn, lại vừa phát triển nghệ thuật? Đó là câu trả lời thuộc về nghệ sĩ, nhà quản lý, khán giả, và trước hết, đòi hỏi nhà quản lý, người nghệ sĩ phải nhận thức sâu hơn nữa, hiểu đúng hơn nữa về nghệ thuật Múa rối nước, về cơ sở văn hóa sản sinh ra nó và những giá trị văn hóa kết tinh trong nó, gắn Múa rối nước trong mối quan hệ với văn hóa, trong sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, và vai trò của nó trong đời sống văn hóa của đất nước trong bối cảnh cơ chế thị trường, hội nhập quốc tế.

8. Để bảo tồn và phát triển Múa rối nước trong điều kiện cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế hôm nay, cần chú trọng công tác bảo tồn, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (nhà quản lý - nghệ sĩ - khán giả),

đổi mới cơ chế quản lý, tự chủ không bao cấp từ Nhà nước để phát huy tính độc lập của mình với tư cách là một loại hình nghệ thuật, hoạt động với mô hình vừa bảo tồn, vừa cách tân, trên cơ sở tập trung đầu tư nghiên cứu và thử nghiệm trong thực tiễn, có đánh giá và điều chỉnh.

9. Nghệ thuật Múa rối phổ biến ở nhiều tộc người khác nhau trên thế giới và trong khu vực. Nhưng Múa rối nước hiện nay chỉ còn có ở Việt Nam. Điều làm nên sự khác biệt cho hiện tượng văn hóa này xuất phát từ chính điều kiện môi trường tự nhiên tại những vùng địa lý cụ thể. Do vậy, sử dụng phương pháp địa - văn hóa và lý thuyết vùng văn hóa làm phương pháp nghiên cứu chính để nghiên cứu Múa rối nước Việt Nam, luận án làm rõ hiện tượng văn hóa này chính là sản phẩm của môi trường sinh thái tự nhiên cũng như môi trường sinh thái nhân văn của người Việt chau thổ sông Hồng, thể hiện mối ứng xử của họ trước thực tế thiên nhiên, lịch sử và xã hội. Hay nói cách khác, luận án đã lý giải sự hình thành, tồn tại, phát triển của Múa rối nước trong tiến trình lịch sử xuất phát từ cơ sở văn hóa Việt Nam. Đồng thời, thông qua sự tồn tại và diễn trình phát triển của nó trong không gian và thời gian, luận án hệ thống những giá trị văn hóa Việt Nam của Múa rối nước để khẳng định vai trò, vị trí của nó trong đời sống văn hóa cư dân vùng chau thổ sông Hồng và trong văn hóa Việt Nam, để xuất quan điểm và giải pháp, khuyến nghị để bảo tồn và phát triển Múa rối nước phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay. Hoàn cảnh hiện nay, khi điều kiện tự nhiên - môi trường sinh thái - lịch sử - xã hội cho sự ra đời nghệ thuật Múa rối nước của người Việt vùng chau thổ sông Hồng đã thay đổi, sinh hoạt văn hóa văn nghệ của đất nước cũng có nhiều mới mẻ trong điều kiện cơ chế thị trường, định hướng Xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế sâu rộng và toàn diện. Vì vậy, nghiên cứu sinh cho rằng, hiện tượng văn hóa này cần nhận được sự quan tâm nghiên cứu nhiều hơn nữa, để khẳng định vai trò của Múa rối nước trong đời sống văn hóa nghệ thuật, nhằm thích ứng với cuộc sống hiện đại, mà luận án này chỉ như một bước khởi đầu./.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA NGHIÊN CỨU SINH ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Lê Thị Thu Hiền (2014), “Chức năng giáo dục của Múa rối nước”, *Văn hóa nghệ thuật* (359), tr. 78-81.
2. Lê Thị Thu Hiền (2014), “Bàn về tên gọi, nguồn gốc và diễn trình phát triển của nghệ thuật Múa rối nước ở Việt Nam”, *Nghiên cứu Văn hóa Trường Đại học Văn hóa Hà Nội* (7), tr. 70-75.
3. Lê Thị Thu Hiền (2014), “Vài nét về nghệ thuật Múa rối nước Việt Nam”, *Văn hóa học* (2), tr. 77-82.
4. Lê Thị Thu Hiền (2014), “Những yếu tố tạo thành giá trị nghệ thuật của Múa rối nước”, *Văn hóa nghệ thuật* (360), tr.75-78.
5. Lê Thị Thu Hiền (2014), “Về văn hóa giới trong nghệ thuật Múa rối nước Việt Nam”, *Văn hóa học* (4), tr. 81-85.
6. Lê Thị Thu Hiền (2014), “Múa rối nước Việt Nam - Một di sản văn hóa độc đáo”, *Di sản văn hóa* (3), tr. 67 - 72./.